

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2017

V/v tranh chấp “ Không công nhận vợ chồng giữa
bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Nguyễn Hùng D”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hùng Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ*** tham gia phiên toà: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ - TP.Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “ Không công nhận vợ chồng ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn D, huyện D, TP. Cần Thơ.

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn D, huyện D, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Tháng 11/1987 bà và ông Nguyễn Hùng D tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ không hạnh phúc và ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay, nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với ông D.

Về con chung: Bà T xác định sống vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn

Văn V, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1993, hiện hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng D thống nhất với trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về thời gian tiến tới hôn nhân, sống chung với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung. Nay, bà T yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng thì ông đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Hùng D là vợ chồng; Về con chung: Anh Nguyễn Văn V và anh Nguyễn Duy P đã trưởng thành; Tài sản chung: Ghi nhận vợ chồng bà T và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nghĩa vụ chung: Ghi nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Không công nhận vợ chồng ” mà cụ thể bà T yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với ông Nguyễn Hùng D. Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu đương sự:*

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà T và ông D là tự nguyện nhưng khi về sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi thường xuyên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân trong thời gian dài (từ 2007 cho đến nay) và hiện tại mỗi người đều có cuộc sống mới, không ai còn quan tâm tới ai. Mặt khác, khi tiến tới hôn nhân từ tháng 11/1987 đến nay bà T và ông D đều xác định không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh*

quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận bà T và ông D là vợ chồng.

[2.2] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ghi nhận nợ chung bà T và ông D xác định không có; Tài sản chung: Ghi nhận bà T và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Xét lời ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Hùng D.

2. Về con chung: Bà T và ông D xác định vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Văn V, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1993, hiện hai con đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chung: Bà T và ông D xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000210 ngày 20 tháng 3 năm 2017 thành tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thanh Huỳnh